TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 200 /2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-12-2017
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

2. Bà **Nguyễn Thị Ly**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Thảo.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà **Lê Mai Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Đức V** – Sinh năm 1986. Địa chỉ: 346 ấp BA, xã BT, huyện LV, Tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T** – sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp BP, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Đức V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T quen biết và chung sống với nhau vào năm 2004, đến ngày 15/6/2007 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã BT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống đến năm 2010 vợ chồng thấy không hợp nhau nên vợ bỏ nhà đi thường xuyên, anh có rước vợ về nhiều lần, gia đình hai bên có hàn gắn 05 lần, nhưng vợ đã bỏ đi từ năm 2012 và không còn chung sống từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nên không thể tiếp tục chung sống được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với Nguyễn Thị Hồng T.

- ***Về quan hệ con chung:*** Có 01 con chung tên Phạm Kim D, sinh ngày 06/9/2007. Hiện đang sinh sống với anh V. Khi ly hôn anh V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản chung: Không có.

-Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị T không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị T chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống đã lâu, nên vợ chồng không thể hàn gắn, anh V đang nuôi con, yêu cầu được ly hôn và tiếp tục nuôi con chung của anh V có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về nội D

*[2.1].*Hôn nhân giữa anh Phạm Đức V chị Nguyễn Thị Hồng T là hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài và không chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương cũng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn và không còn sống chung nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V.

*[2.2].*Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Kim D, sinh ngày 06/9/2007. Hiện đang sinh sống với anh V. Khi ly hôn ông V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung hiện anh V nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định. Tại tờ tự khai của cháu D là nguyện vọng

của cháu cũng muốn tiếp tục sinh sống với anh V. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho anh V nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Đức V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận anh V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3].Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh V phải chịu án phí HNST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Đức V xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T**.**

2. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Đức V được nuôi con chung tên Phạm Kim D, sinh ngày 06/9/2007. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Đức V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3.Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4.Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận anh V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phạm Đức V phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0014364 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Anh Phạm Đức V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Bình Thành, h. Lấp Vò, t. Đồng Tháp
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình